

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ia Pa,
tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng 2014 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định 377/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy định chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ xây dựng ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Ia Pa tại Tờ trình số 184/TTr-UBND ngày 19/11/2024 và Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng số 178/BC-SXD ngày 13/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Vị trí, phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch.

2.1. Vị trí, phạm vi, ranh giới:

- Phạm vi huyện Ia Pa: Toàn bộ ranh giới hành chính của huyện Ia Pa, bao gồm 9 xã (Pờ Tó, Chư Răng, Ia Kdăm, Kim Tân, Chư Mố, Ia Tul, Ia Mron, Ia Broãi, Ia Trok).

- Ranh giới huyện Ia Pa được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp huyện Mang Yang và huyện Kông Chro;

+ Phía Nam giáp thị xã Ayun Pa và huyện Krông Pa;

+ Phía Đông giáp huyện Đồng Xuân (tỉnh Phú Yên);

+ Phía Tây giáp huyện Phú Thiện và huyện Chư Sê.

2.2. Quy mô vùng quy hoạch:

- Quy mô dân số: Dân số toàn huyện năm 2023 là 60.508 người.

- Quy mô đất đai: 86.859,54 ha.

2.3. Thời hạn quy hoạch:

- Giai đoạn ngắn hạn: đến năm 2030;
- Giai đoạn dài hạn: đến năm 2050.

3. Nội dung nhiệm vụ.

3.1. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng phát triển của huyện Ia Pa trong Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tạo điều kiện đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế của huyện một cách bền vững;

- Đánh giá mối liên hệ vùng huyện Ia Pa trong vùng tỉnh, tiểu vùng Đông Nam và khu vực phụ cận (Mang Yang, Kông Chro) của tỉnh Gia Lai, khai thác các lợi thế, tiềm năng; xác định vùng động lực phát triển, mô hình phát triển không gian vùng;

- Định hướng phát triển không gian hệ thống đô thị, phân loại, xác định tính chất đô thị; định hướng không gian các điểm dân cư nông thôn phù hợp định hướng phát triển kinh tế, phù hợp văn hóa, gắn kết với các khu chức năng, bảo vệ môi trường; Điều chỉnh quy mô, kết nối khu vực đô thị trung tâm huyện với khu vực phía Nam huyện và hình thành thị trấn huyện lỵ huyện Ia Pa tạo động lực phát triển thị trấn, khai thác không gian cảnh quan hai bên bờ sông Ba;

- Xác định khung hạ tầng kỹ thuật chung của huyện, khớp nối với các quy hoạch chuyên ngành, tạo cơ sở phát triển kết cấu hạ tầng hệ thống đô thị các điểm dân cư nông thôn, cụm công nghiệp, vùng sản xuất và các khu chức năng khác trong vùng huyện;

- Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: xây dựng các xã đạt chuẩn NTM. Xây dựng huyện Ia Pa đáp ứng tiêu chí huyện nông thôn mới;

- Làm cơ sở để các cấp chính quyền, các ngành triển khai quy hoạch xây dựng các khu chức năng, đô thị, xã trên địa bàn huyện. Làm công cụ pháp lý quan trọng của chính quyền quản lý quy hoạch, lập kế hoạch, đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển đảm bảo vùng huyện phát triển hài hòa, ổn định và bền vững thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3.2. Tính chất quy hoạch:

- Là vùng sản xuất lương thực trọng điểm của tiểu vùng và vùng chăn nuôi tập trung ứng dụng khoa học công nghệ cao của tỉnh.

- Là vùng phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ đa dạng sinh học của tỉnh.

- Là vùng phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản gắn với vùng nguyên liệu, phát triển năng lượng tái tạo thuộc tiểu vùng phía Đông Nam của tỉnh.

- Là vùng bảo vệ, phát triển văn hóa truyền thống kết hợp điểm phát triển du lịch văn hóa, sinh thái của tiểu vùng gắn với hành lang du lịch thác Phú Cường – hồ Ayun Hạ - khu di tích lịch sử Plei Ôi theo QL.25.

- Là vùng cửa ngõ phía Bắc của tiểu vùng Đông Nam liên kết với tiểu vùng

trung tâm và tiểu vùng Đông Bắc tỉnh Gia Lai.

3.3. Các dự báo phát triển vùng:

a) Dự báo phát triển đô thị:

- Giai đoạn 2021-2030: Huyện Ia Pa có 01 đô thị loại V.

- Giai đoạn 2031- 2050: Huyện có 02 đô thị:

+ Đô thị huyện lỵ Ia Pa – đô thị loại V dự kiến nâng cấp lên đô thị loại IV khi đủ điều kiện;

+ Đô thị Pờ Tó: Đô thị loại V thành lập mới.

b) Dự báo quy mô dân số và tỷ lệ đô thị hóa:

- Đến năm 2030: Dân số toàn huyện khoảng 66.500 người.

+ Dân số đô thị: Khoảng 14.500 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 21,8%.

+ Dân số nông thôn: Khoảng 52.000 người.

- Đến năm 2050: Dân số toàn huyện khoảng 89.500 người.

+ Dân số đô thị: Khoảng 32.300 người (bao gồm cả dân số đô thị Pờ Tó dự kiến). Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 36,09%.

+ Dân số nông thôn: Khoảng 57.200 người.

(Quy mô dân số và tỉ lệ đô thị hóa sẽ được tính toán cụ thể trong bước lập đồ án để phù hợp với các định hướng trong quá trình triển khai).

c) Dự báo quy mô đất xây dựng:

- Đến năm 2030:

+ Đất xây dựng đô thị khoảng 400 – 500 ha.

+ Đất xây dựng nông thôn khoảng 740 - 800 ha.

- Đến năm 2050:

+ Đất xây dựng đô thị khoảng 950 – 1080 ha.

+ Đất xây dựng nông thôn khoảng 880 - 1050 ha.

3.4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

- Các chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng đô thị, đất xây dựng nông thôn, đất xây dựng khu chức năng được tính toán cụ thể trong quá trình lập đồ án quy hoạch xây dựng; đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành và yêu cầu phát triển của địa phương.

- Các chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của từng loại đô thị tính toán phù hợp với quy định tại Nghị Quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về Phân loại đô thị và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

- Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật chủ yếu:

I	Giao thông		Đến năm 2030	Đến năm 2050
1	Khu vực đô thị			
1.1	Mật độ đường tính đến đường chính khu vực hoặc tương đương	Km/km ²	5,5 – 4,0	6,5 – 5,5
1.2	Tỷ lệ đất giao thông tính đến đường khu vực	% đất xây dựng đô thị	≥ 13	≥ 15
2	Khu vực nông thôn			
2.1	Đường huyện	Cấp	≥ V	
2.2	Đường xã	Cấp	≥ VI	
2.3	Diện tích đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	m ² /người	≥ 5	≥ 8
II	Cấp nước		Đến năm 2030	Đến năm 2050
1	Tiêu chuẩn cấp nước đô thị (Qsh)	l/người/ngày đêm	≥ 100	≥ 120
	+ Tỷ lệ cấp nước	%	≥ 95	100
2	Tiêu chuẩn cấp nước nông thôn (Qsh)	l/người/ngày đêm	≥ 80	≥ 100
	+ Tỷ lệ cấp nước	%	≥ 90	≥ 95
3	Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp	m ³ /ha/ngày đêm	≥ 20	≥ 30
4	Tiêu chuẩn cấp nước công cộng	%Qsh	≥ 8	≥ 10
III	Thoát nước thải – chất thải rắn		Đến năm 2030	Đến năm 2050
1	Tỷ lệ thu gom nước thải dân dụng	% cấp nước	≥ 80	100
2	Tỷ lệ thu gom nước thải công nghiệp	% cấp nước	≥ 80	100
3	Xử lý rác thải	Kg/người/ngày	≥ 0,8	≥ 0,9
4	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn	% lượng rác		
	+ Rác thải sinh hoạt	% lượng rác	≥ 90	100
	+ Rác thải công nghiệp	% lượng rác	100	100
IV	Nghĩa trang, nhà tang lễ		Đến năm 2030	Đến năm 2050
1	Nghĩa trang	ha/1.000 dân	≥ 0,04	≥ 0,06
V	Cấp điện		Đến năm 2030	Đến năm 2050
1	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt cho đô thị	W/người	≥ 330	≥ 400
2	Chỉ tiêu cấp điện công trình công cộng dịch vụ cho đô thị	% phụ tải điện sinh hoạt	≥ 30	≥ 35
3	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt cho nông thôn	W/người	≥ 150	≥ 200

I	Giao thông		Đến năm 2030	Đến năm 2050
4	Chỉ tiêu cấp điện công trình công cộng dịch vụ cho nông thôn	% phụ tải điện sinh hoạt	≥ 15	≥ 20
5	Chỉ tiêu cấp điện công nghiệp	KW/ha	≥ 200	≥ 250
6	Chỉ tiêu cấp điện tiểu thủ công nghiệp	KW/ha	≥ 120	≥ 140

(Ghi chú: Các dự báo và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sẽ tiếp tục được rà soát, cụ thể hóa trong quá trình lập đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện)

3.5. Yêu cầu về nội dung chính của đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện

Nội dung nghiên cứu của đề án quy hoạch vùng huyện thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ, Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn. Trong đó, tập trung làm rõ các yêu cầu gồm:

a) Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch huyện; các căn cứ lập quy hoạch; vị trí, quy mô, phạm vi lập quy hoạch; quan điểm và mục tiêu phát triển của vùng.

b) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, nhân văn, hiện trạng kinh tế - xã hội vùng; hiện trạng phân bố đô thị và điểm dân cư nông thôn, sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch; hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai; hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh và cấp huyện; hiện trạng tài nguyên và môi trường; hiện trạng các chương trình, dự án đã và đang đầu tư, dự án đầu tư phát triển đối với vùng lập quy hoạch; đánh giá công tác quản lý, thực hiện các quy hoạch.

c) Xác định tiềm năng, động lực phát triển cơ hội và thách thức trong định hướng phát triển vùng (bao gồm cả các yếu tố nội lực và ngoại lực, các yếu tố tác động, ảnh hưởng trực tiếp).

d) Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, tỷ lệ đô thị hóa, nhu cầu sử dụng đất, bảo vệ môi trường; các rủi ro về biến động, thảm họa thiên nhiên,.. làm cơ sở định hướng quy hoạch.

e) Định hướng phát triển không gian vùng: Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng; xác định các phân vùng để kiểm soát quản lý phát triển; phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng; xác định mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; phân cấp, phân loại đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định quy mô dân số, đất xây dựng đô thị; phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục, thể thao có quy mô lớn, mang ý

nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị; phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trong vùng.

f) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng huyện: Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng liên vùng, gồm: Chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, hệ thống điện, cung cấp năng lượng, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động.

g) Đánh giá môi trường chiến lược: Những vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn; hiện trạng nguồn gây ô nhiễm lớn, các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường ở quy mô cấp vùng; dự báo xu thế các vấn đề môi trường do tác động của việc lập và thực hiện quy hoạch; các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường.

h) Xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo vệ môi trường; các dự án cần được nêu rõ quy mô đầu tư xây dựng, dự báo nhu cầu vốn và kiến nghị nguồn vốn, thời điểm thực hiện.

i) Đề xuất giải pháp thực hiện quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Hồ sơ sản phẩm.

Hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Ia Pa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2005 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

5. Tiến độ, kế hoạch thực hiện.

a) Tiến độ thực hiện: Theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng.

b) Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai.
- Cơ quan tổ chức lập, trình thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch: Ủy ban nhân dân huyện Ia Pa.

- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Lựa chọn theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Kinh phí, nguồn vốn thực hiện:

- Kinh phí thực hiện: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Ia Pa phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Ia Pa và Thủ trưởng các Sở, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh uỷ (B/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/cáo);
- Chủ tịch; các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTTH, CNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Quế